CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

COOPERATION CONTRACT

Số: 2806 **/2023/HĐHT/SV-PNC**

No.: 2806 ***/2023/HĐHT/SV-PNC***

CÔNG TRÌNH: THE METROPOLITAN – OCEAN PARK Phân khu 1

PROJECT: ***THE METROPOLITAN – OCEAN PARK Phân khu 1***

HẠNG MỤC: **ĐẦU TƯ HỆ THỐNG IBS VÀ HỆ THỐNG GPON**

ITEMS: ***INVESTMENT IN IBS SYSTEM AND GPON SYSTEM***

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN TRÂU QUỲ, CÁC XÃ DƯƠNG XÁ, KIÊU KỴ, ĐA TỐN, HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SITE: TRAU QUY AND DUONG XA, KIEU KY, DA TON COMMNE, GIA LAM DISTRICT, HANOI

Giữa

Between

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN SV

SV REAL ESTATE INVESTMENT DEVELOPMENT BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Và

And

CÔNG TY TNHH XÂY LẮP KỸ THUẬT PHƯƠNG NAM

PHUONG NAM INSTALLATION TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

TP HCM – THÁNG NĂM 2023

HCMC – MONTH YEAR 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

COOPERATION CONTRACT

Số: 2806/2023/HĐHT/SV-PNC

No.: 2806/2023/HDHT/SV-PNC

Công trình : THE METROPOLITAN – OCEAN PARK Phân khu 1

Project: THE METROPOLITAN – OCEAN PARK Phase 1

Hạng mục : Đầu tư Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON

Items: Investment in IBS System and GPON System

Địa điểm : Thị trấn Trâu Quỳ, các xã Dương Xá, Kiêu Kỵ, Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Site: Trau Quy and Duong Xa, Kieu Ky, Da Ton Commne, Gia Lam District, Hanoi

I. Các căn cứ để ký Hợp đồng

Bases for signing contract

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH13 dated November 24, 2015 of the Socialist Republic of Vietnam;*
- *Căn cứ Luật Đầu tư được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;*
- *Pursuant to the Investment Law passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 29, 2005;*
- *Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/11/2009;*
- *Pursuant to the Law on Telecommunications No. 41/2009/QH12 passed by the National Assembly of Socialist Republic of Vietnam on November 23, 2009;*
- *Các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Other relevant legal documents;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,*
- *Based on the needs and abilities of both parties.*

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2023, tại Thành phố Hà Nội, các bên ký Hợp đồng gồm:

Today, June 28, 2023, in Hanoi, we are:

II. Các bên ký Hợp đồng

Parties of the Contract

1. **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN SV**

SV REAL ESTATE INVESTMENT DEVELOPMENT BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: *Address:*	Tầng 2, khu Almaz Market, đường Hoa Lan, khu đô thị sinh thái Vinhomes Reverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. *2nd Floor, Almaz Market, Hoa Lan Road, Vinhomes Riverside Eco-Urban Area, Phuc Loi Ward, Long Bien District, Hanoi City, Vietnam.*	
Điện thoại: *Tel:*	024.3974.9999	
Người đại diện: *Representative:*	KAZUKI SHIONOYA *KAZUKI SHIONOYA*	Chức danh: Tổng Giám Đốc *Title: General Director*
Mã số thuế: *Tax code:*	0108969304 *0108969304*	
Số tài khoản: *Account number:*	19038823800868 *19038823800868*	
Mở tại : *At bank:*	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) – Hội sở *Vietnam Technology and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank) – Head Office*	

(Sau đây gọi là **"BÊN A"**)

*(Hereinafter referred to as **"PARTY A"**);*

Và

And

2. **CÔNG TY TNHH XÂY LẮP KỸ THUẬT PHƯƠNG NAM**

PHUONG NAM INSTALLATION TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Địa chỉ: *Address:*	2366/1B, Tổ 8, Khu phố 1, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP HCM *2366/1B, Group 8, Quarter 1, An Phu Dong Ward, District 12, HCMC*	
Điện thoại: *Tel:*	(028) 3620 3737 *(028) 3620 3737*	
Người đại diện: *Representative:*	NGUYỄN THANH LỘC *NGUYEN THANH LOC*	Chức vụ: Giám Đốc *Position: Director*
Mã số thuế: *Tax code:*	0 3 0 8 9 7 3 6 4 3 *0 3 0 8 9 7 3 6 4 3*	
Số tài khoản: *Account number:*	011704070011385 *011704070011385*	
Mở tại : *At bank:*	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM (HD Bank) – CN TP HCM *Ho Chi Minh City Development Commercial Joint Stock Bank (HD Bank) – Ho Chi Minh City Branch*	

(Sau đây gọi là **"BÊN B"**)

*(Hereinafter referred to as **"PARTY B"**);*

(BÊN A và BÊN B dưới đây gọi chung là Các Bên và gọi riêng là mỗi Bên)

(PARTY A and PARTY B hereinafter collectively referred to as the Parties and individually referred to as Party)

Cùng thoả thuận ký kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư hệ thống nâng cao chất lượng phủ sóng di động ("**Hợp đồng**") tại các Tòa nhà cao tầng thuộc dự án The Metropolitan trong quần thể dự án **Vinhomes Ocean Park I** (**"Dự Án"**) với những nội dung sau:

*Agree to sign a Business Cooperation Contract in the field of investment in systems to improve the quality of mobile coverage ("**Contract**") at high-rise buildings of The Metropolitan in the project complex **Vinhomes Ocean Park I** ("**Project**") with the following contents:*

III. Nội dung Hợp đồng

Contract content

Điều 1. Các thuật ngữ

Article 1. Terms

Trong Hợp đồng này, các từ, các thuật ngữ sẽ có ý nghĩa như định nghĩa và diễn giải dưới đây ngoại trừ được hiểu khác đi trong các ngữ cảnh đặc biệt.

In this Contract, the words and terms shall have the same meanings and interpretations below, except to the extent that they are construed differently in special contexts.

Hợp đồng : *Contract:*	Là Hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực Đầu tư hệ thống nâng cao chất lượng phủ sóng di động cho công trình nhà cao tầng thuộc dự án The Metropolitan trong quần thể Dự án **Vinhomes Ocean Park I** do BÊN A và BÊN B ký kết, các phụ lục và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung bằng văn bản nào của Hợp đồng tại từng thời điểm. *Refers to the Business cooperation contract in the field of investing in a system to improve the quality of mobile coverage for high-rise buildings of The Metropolitan in the project complex **Vinhomes Ocean Park I** signed by PARTY A and PARTY B, the appendices and any written amendments or supplements to the Contract from time to time.*
Dự án : *Project:*	Là toàn bộ 15 tòa nhà cao tầng trong quần thể Dự án The Metropolitan trong quần thể dự án Vinhomes Ocean Park I do BÊN A làm chủ đầu tư. *Refers to the whole **15 high-rise buildings of The Metropolitan in the project complex Vinhomes Ocean Park I** invested by PARTY A.*

Hạ tầng hệ thống nâng cao chất lượng phủ sóng di động (**"Hệ Thống IBS"**): *System infrastructure to improve the quality of mobile coverage (**"IBS System"**):*	Là toàn bộ cơ sở vật chất do BÊN B đầu tư hình thành mạng lưới kỹ thuật dùng để nâng cao chất lượng phủ sóng di động, hỗ trợ cho các thiết bị di động kết nối và sử dụng được các dịch vụ của các mạng thông tin di động GSM, CDMA trên lãnh thổ Việt Nam như MobiFone, Vinaphone, Viettel… sẵn sàng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của công nghệ 3G, 4G, tổ chức, khai thác hệ thống trên với các nhà cung cấp dịch vụ di động tại khu vực Dự án. *Refers to the entire facilities invested by Party B to form a technical network used to improve the quality of mobile coverage, support for mobile devices to connect and use the services of GSM, CDMA mobile communication networks in the territory of Vietnam such as MobiFone, Vinaphone, Viettel ... ready to meet technical standards of 3G, 4G technology, organize and operate the above system with mobile service providers in the Project area.*
Dịch vụ : *Service:*	Bao gồm các dịch vụ internet, các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền interner, dịch vụ truyền hình cáp cơ bản, truyền hình cáp chất lượng cao, dịch vụ khai thác trên nền mạng di động 3G, 4G, ... *Including internet services, value-added services on the internet, basic cable TV services, high quality cable TV, exploitation services on 3G, 4G mobile networks, ...*
Hạ tầng hệ thống truy nhập cáp quang Gpon (**"Hệ Thống GPON"**): *Gpon fiber optic access system infrastructure (**"GPON System"**):*	Là toàn bộ cơ sở vật chất do BÊN B đầu tư hình thành mạng lưới kỹ thuật GPON để cung cấp các dịch vụ viễn thông cơ bản và các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng (Internet, truyền hình cáp, truyền số liệu …), tổ chức khai thác hệ thống trên với các nhà cung cấp dịch vụ Internet, Truyền hình cáp,…. tại khu vực Dự án. *Refers to the entire facilities invested by Party B to form a GPON technical network to provide basic telecommunications services and value-added telecommunications services (Internet, cable TV, data transmission...), organize the operation of the above system with Internet service providers, cable TV,.... in the Project area.*
Nhà Cung Cấp Dịch Vụ : *Service provider:*	Là tất cả các nhà mạng cung cấp Dịch vụ di động, internet, truyền hình cáp trên lãnh thổ Việt Nam có nhu

	cầu đấu nối, cung cấp Dịch vụ tại Dự án. *Refers to all network operators providing mobile, internet and cable TV services in the territory of Vietnam that need to connect and provide services at the Project.*
Phí Doanh thu *Revenue Fee*	Là tỷ lệ phần trăm (%) mà BÊN A được hưởng trên doanh thu từ tất cả các Nhà Cung Cấp Dich Vụ mà BÊN B thu được từ việc tổ chức khai thác cho thuê Hạ tầng hệ thống nâng cao chất lượng phủ sóng di động và Hạ tầng hệ thống truy nhập cáp quang Gpon do BÊN B đầu tư trong khuôn khổ Dự án. *Refers to the percentage (%) that PARTY A enjoys on the revenue from all Service Providers that PARTY B receives from organizing the rental of System Infrastructure to improve the quality of mobile coverage and Gpon fiber optic access system infrastructure invested by PARTY B within the framework of the Project.*

Điều 2. Nội dung hợp tác

Article 2. Content of cooperation

2.1 Nội dung BÊN A thực hiện

Contents done by PARTY A

2.1.1 BÊN A đồng ý để BÊN B đầu tư toàn bộ **Hệ Thống IBS** và **Hệ Thống GPON** để cung cấp các dịch vụ viễn thông cơ bản, các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, dịch vụ truyền hình cáp và nâng cao chất lượng sóng di động của các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ trên nền hạ tầng này cho toàn bộ nhà cao tầng thuộc PK1 trong quần thể Dự án Vinhomes Ocean Park.

*PARTY A agrees to let PARTY B fully invest **IBS System** and **GPON System** to provide basic telecommunications services, value-added telecommunications services, cable television services and improve the quality of mobile waves of Service Providers on this infrastructure for the entire high-rise building belonging to Phase 1 in the Vinhomes Ocean Park project complex.*

2.1.2 BÊN A hợp tác bằng việc cho BÊN B thuê mặt bằng tại vị trí do BÊN A chỉ định trong Tòa nhà để làm phòng máy lắp đặt thiết bị và vận hành Hệ thống (**"Phòng Máy"**) và BÊN A được hưởng khoản phí doanh thu theo quy định tại Điều 5.2.

*PARTY A cooperates by leasing the premises to PARTY B at the location designated by PARTY A in the Building for the machine room to install equipment and operate the System (**"Machine room"**) and PARTY A is entitled to the revenue fee as prescribed in Article 5.2.*

2.2 Nội dung BÊN B thực hiện

Works Contents done by PARTY B

2.2.1 BÊN B, bằng toàn bộ chi phí và nhân lực của mình sẽ đầu tư, thi công, tổ chức vận hành, bảo trì, quản lý và khai thác kinh doanh trong thời gian vận hành hệ thống theo quy định của Hợp đồng này.

PARTY B, with all its costs and human resources, will invest, construct, operate, maintain, manage and exploit the business during the operation of the system in accordance with the provisions of this Contract.

2.2.2 BÊN B, theo Hợp đồng này, sẽ đầu tư và thi công Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON phục vụ cho cung cấp Dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp, nâng cao chất lượng phủ sóng di động của Các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ trong phạm vi Dự án, bao gồm:

PARTY B, under this Contract, will invest and construct the IBS System and the GPON System in service of providing telecommunications and cable television services, improving the quality of mobile coverage of Service Providers within the scope of the Project, including:

- Đầu tư toàn bộ tệ thống thiết bị, bao gồm: cáp trục 7/8 inch, hệ thống cáp nhánh 1/2 inch và hệ thống anten, thiết bị truyền dẫn, cột phát sóng.
- *Invest in the entire equipment system, including: 7/8 inch backbone cable, 1/2 inch branch cable system and antenna system, transmission equipment, broadcasting mast.*
- Đầu tư toàn bộ Hệ thống thiết bị, bao gồm: cáp quang, cáp đồng trục, các thiết bị chia quang, tủ/hộp phân phối quang, thiết bị khác …
- *Invest in the entire system of equipment, including: fiber optic cables, coaxial cables, optical splitters, optical distribution cabinets/boxes, other equipment...*
- Phòng máy lắp đặt thiết bị phát sóng di động của các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ, bao gồm điều hòa nhiệt độ, hệ thống PCCC và các thiết bị liên quan khác.
- *The machine room installs mobile broadcasting equipment of Service Providers, including air conditioners, fire protection systems and other related equipment.*
- Khảo sát, thiết kế, lên cấu hình thiết bị phù hợp với thiết kế toà nhà, tuân thủ yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật của Các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ.
- *Surveying, designing, configuring equipment in accordance with the building design, complying with the technical requirements of Service Providers.*
- Thi công lắp đặt, vận hành, bảo trì, xử lý sự cố đối với thiết bị hàng năm.
- *Construction, installation, operation, maintenance and troubleshooting of equipment every year.*

2.2.3 Việc thi công lắp đặt Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON của BÊN B tại Dự án phải theo đúng thiết kế đã được BÊN A (hoặc phù hợp với yêu cầu của Tổng thầu EPC Vinhomes) phê duyệt, các vật tư, vật liệu do BÊN B sử dụng lắp đặt vào Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON phải có chứng chỉ, xuất xứ và nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo phù hợp với TCVN và Dự án, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật và phải được BÊN A phê duyệt trước khi thi công. BÊN B có thể phát triển thêm

những dịch vụ khác có liên quan dựa trên nền hệ thống sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của BÊN A trước khi triển khai.

PARTY B's installation of IBS System and GPON System at the Project must conform to the approved design approved by PARTY A (or comply with EPC Contractor Vinhomes specifications), the supplies and materials used by PARTY B and installed in the IBS System and the GPON System must have a certificate, clear origin, guarantee in accordance with Vietnamese standards and Project, meet the requirements of quality and technical standards and must be approved by PARTY A before construction. PARTY B may develop other related services based on the system after getting the written consent of PARTY A before implementation.

2.2.4 BÊN B sẽ thay mặt BÊN A thực hiện các giao dịch, đàm phán, ký kết Hợp đồng với các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ để kết nối tín hiệu từ các Nhà Cung Cấp Dịch vụ vào Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON nhằm cung cấp các Dịch vụ tốt nhất cho khách hàng trong phạm vi Dự án.

PARTY B will on behalf of PARTY A to perform transactions, negotiate and sign Contracts with Service Providers to connect signals from Service Providers to IBS System and GPON System to provide Services best for customers within the Project.

2.2.5 Trong trường hợp (i) có bất kỳ Nhà Cung Cấp Dịch Vụ nào theo yêu cầu sử dụng của khách hàng không đồng ý kết nối vào Hệ Thống IBS và/hoặc Hệ Thống GPON do BÊN B đầu tư; hoặc (ii) Hệ Thống IBS và/hoặc Hệ Thống GPON không đảm bảo chất lượng, không có khả năng cung cấp một cách đồng bộ, đầy đủ và kịp thời cho các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ có nhu cầu kết nối vào hệ thống thì BÊN A, theo quyết định của mình, có quyền mời bên thứ ba hợp tác thực hiện việc cung cấp Dịch vụ đó bằng cách sử dụng hạ tầng do Bên thứ ba tự đầu tư hoặc sử dụng chung Hệ Thống IBS và/hoặc Hệ Thống GPON do BÊN B đầu tư. Trong trường hợp BÊN B đồng ý để Bên thứ ba sử dụng chung Hệ Thống IBS do BÊN B đầu tư tại Dự Án, Các Bên sẽ thỏa thuận cụ thể về phạm vi và các công việc cần thiết để cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại thời điểm đó.

In case (i) any Service Provider at the request of the customer does not agree to connect to the IBS System and/or the GPON System invested by THE PARTY B; or (ii) The IBS System and/or the GPON System is not qualified, unable to provide a synchronous, complete and timely manner for Service Providers wishing to connect to the system, PARTY A, at its sole discretion, has the right to invite a third party to cooperate in providing such Service by using the infrastructure invested by the Third Party or jointly use the IBS System and/or the GPON System invested by PARTY B. In the event that PARTY B agrees to let the Third Party use the IBS System jointly invested by Party B in the Project, the Parties will agree specifically on the scope and necessary work to provide services to customers at that time.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của BÊN A:

Article 3. Rights and obligations of PARTY A:

3.1 Quyền của BÊN A:

Rights of PARTY A:

- Yêu cầu BÊN B thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
- *Request PARTY B to properly and fully perform its obligations in accordance with the provisions of the Contract.*
- Được hưởng các khoản Tiền Thuê Cố Định và Phí Doanh thu theo quy định tại của Hợp đồng này.
- *To be entitled to the Fixed Rent and Revenue Fees in accordance with the provisions of this Contract.*
- Giám sát việc thi công lắp đặt hệ thống của BÊN B tại Dự án.
- *Supervise the construction and installation of PARTY B's system at the Project.*
- Yêu cầu BÊN B thay đổi thiết bị, vật tư kết nối vào Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ, hợp lý hóa mạng lưới viễn thông và tình hình thực tế của Dự án.
- *Request PARTY B to change equipment and materials connected to the IBS System and the GPON System to suit the development of technology, rationalize the telecommunications network and the actual situation of the Project.*
- Trong quá trình vận hành, nếu Hệ Thống IBS và/hoặc Hệ Thống GPON do BÊN B đầu tư theo đánh giá của BÊN A là không đảm bảo chất lượng Dịch vụ thì BÊN A có quyền đề nghị BÊN B, trong thời hạn nhất định phải thay đổi, nâng cấp, sửa chữa hoặc lắp đặt bổ sung thiết bị vào Hệ Thống IBS và/hoặc Hệ Thống GPON để đảm bảo chất lượng Dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Nếu BÊN B không thay đổi theo đề nghị của BÊN A thì BÊN A có quyền sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp khác để bảo đảm quyền lợi cho Khách hàng và BÊN B không được miễn trừ trách nhiệm đối với khoản Phí doanh thu, Tiền Thuê Cố Định mà Bên B phải thanh toán cho BÊN A theo quy định tại Hợp đồng này.
- *During the operation, if the IBS System and/or the GPON System invested by PARTY B in the judgment of PARTY A is not guaranteed the quality of the Service, PARTY A has the right to request PARTY B, within a certain period of time, to change, upgrade, repair or install additional equipment into the IBS System and/or the GPON System to ensure the quality of the Service provided to the customer. If PARTY B does not change at the request of PARTY A, PARTY A has the right to use the services of another provider to ensure the interests of the Customer and the PARTY B is not exempt from liability for the Revenue Fee, Fixed Rent that Party B must pay to Party A in accordance with the provisions of this Contract.*
- Được quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng và yêu cầu BÊN B bồi thường thiệt hại, chịu phạt theo các quy định tại Hợp đồng này.
- *Have the right to terminate the Contract according to the provisions of Article 11 of the Contract and request PARTY B to compensate for damage and incur penalties according to the provisions of this Contract.*

3.2 Nghĩa vụ của BÊN A:

Obligations of PARTY A:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với Dự án và có toàn quyền hợp tác kinh doanh với BÊN B.
- *To be responsible before the law for its legal ownership and right to use the Project and have the full right to do business with PARTY B.*
- Cung cấp cho BÊN B bản sao giấy phép xây dựng hoặc giấy chứng nhận đầu tư để BÊN B tham khảo. Bàn giao mặt bằng cho BÊN B kịp thời, phù hợp với kế hoạch triển khai

thi công của Dự án và tạo điều kiện để BÊN B đầu tư xây dựng, tiến hành thi công, đảm bảo cho BÊN B quyền sử dụng ổn định mặt bằng để vận hành hệ thống IBS liên tục và an toàn trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

- *Provide PARTY B with a copy of the construction permit or investment certificate for PARTY B's reference. Handover the premises to PARTY B in a timely manner, in accordance with the construction implementation plan of the Project and create conditions for PARTY B to invest in construction, carry out the construction, ensure to Party B the right to use the surface stably to operate the IBS system continuously and safely during the Contract implementation period.*
- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho BÊN B trong quá trình thi công và vận hành, bảo trì, bảo dưỡng Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON theo quy định của Hợp đồng này. Tạo điều kiện, hỗ trợ BÊN B sử dụng các hạ tầng sẵn có của Dự án (thang cáp và máng cáp) và thu phí các chi phí tiện ích dùng chung hoặc có liên quan (điện, nước, vệ sinh, mở cửa tầng/phòng, vận thăng/cẩu tháp, an toàn, bảo vệ) tại công trường để BÊN B sử dụng trong quá trình thi công và lắp đặt thiết bị. Đơn giá áp dụng trung bình/tòa (thân + hầm) là : 2.200.000 đồng/tòa (hai triệu hai trăm nghìn đồng/tòa).
- *Support and create favorable conditions for PARTY B in the process of construction and operation, maintenance and maintenance of IBS System and GPON System in accordance with the provisions of this Contract. Facilitate and support PARTY B to use the available infrastructure of the Project (cable ladders and cable trays) and collect fees for shared or related utility costs (electricity, water, sanitation, floor/room door openings, hoist/tower crane, safety, protection) at the construction site for PARTY B to use during construction and equipment installation. The average applied unit price/block (body + basement) is: VND2,200,000/block (two million two hundred thousand Vietnam dongs/block).*
- Cung cấp thiết kế kiến trúc các tòa nhà thuộc PK1 của Dự án cho BÊN B trong vòng 10 ngày sau khi ký Hợp đồng để BÊN B thực hiện các thủ tục đầu tư về hệ thống, đảm bảo thời gian khảo sát lập thiết kế dự toán đáp ứng tiến độ của Dự án.
- *Provide architectural design of buildings under PK1 of the Project to PARTY B within 10 days after signing the Contract for PARTY B to carry out investment procedures on the system, ensuring the survey time to set up the estimate design to meet the progress of the Project.*
- Thông báo cho BÊN B bằng văn bản về tiến độ của Dự án để BÊN B lên kế hoạch triển khai các công việc của Hợp đồng.
- *Notify PARTY B in writing about the progress of the Project so that PARTY B can plan to implement the works of the Contract.*
- Cử các bộ phận có liên quan phối hợp với BÊN B trong thời gian thi công lắp đặt và cùng BÊN B giải quyết các công việc vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.
- *Appoint relevant departments to coordinate with PARTY B during construction and installation and together with PARTY B to solve problems arising during implementation.*
- Đảm bảo quyền sử dụng ổn định, riêng rẽ về mặt bằng để BÊN B vận hành Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON được liên tục và an toàn trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.
- *Ensure stable and separate use of the premises for PARTY B to operate the IBS System and the GPON System continuously and safely during the Contract implementation period.*
- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho BÊN B quản lý và thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống, trạm và thiết bị của BÊN B trong Dự án trong quá trình thi công.

- *Support and create conditions for PARTY B to manage and implement security measures for PARTY B's systems, stations and equipment in the Project during the construction process.*
- Không tiết lộ cho bên thứ ba các thông tin liên quan đến nội dung Hợp đồng này trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản của BÊN B.
- *Do not disclose to third parties information related to the content of this Contract unless approved in writing by PARTY B.*
- BÊN A bàn giao cho BÊN B phòng lắp đặt thiết bị tại tầng hầm 1 (vị trí do BÊN B đề xuất và được BÊN A đồng ý) được hoàn thiện xây dựng: sơn nước, trần giả, cao độ sàn sau khi lát gạch cao hơn so với cos hoàn thiện bên ngoài >=100 mm và được lắp cửa chắc chắn.
- *PARTY A hands over to PARTY B the equipment installation room at basement 1 (the location proposed by PARTY B and agreed by PARTY A) to be completed and built: water-paint, false ceiling, floor elevation after tiling is >=100 mm higher than outside finishing cos and fitted with a solid door.*
- BÊN A cung cấp cho BÊN B vị trí đấu nguồn điện 3 pha, vị trí đấu tiếp địa, vị trí đấu nước ngưng cho ĐHKK.
- *PARTY A provides PARTY B with a 3-phase power connection, grounding position, and condensate connection position for air conditioning.*
- Không được tự ý lắp đặt, dịch chuyển, thay đổi thiết bị, vật tư kết nối vào Hệ Thống IBS và/hoặc Hệ Thống GPON khi chưa có văn bản thống nhất giữa Các Bên.
- *Do not arbitrarily install, move, change equipment and materials connected to the IBS System and/or GPON System without a written agreement between the Parties.*
- Chấp thuận cho BÊN B lắp đặt 01 (một) đồng hồ điện (điện kế) riêng phục vụ cho hoạt động của Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON tại phòng lắp đặt thiết bị, đồng thời hỗ trợ BÊN B làm các thủ tục lắp đặt.
- *Approve for Party B to install 01 (one) separate electricity meter (galvanometer) for the operation of the IBS System and GPON System at the equipment installation room, and assist PARTY B in carrying out the installation procedures.*
- Phối hợp với BÊN B giải quyết các khiếu nại (nếu có) của khách hàng liên quan đến chất lượng, dịch vụ cung cấp tại Dự án.
- *Coordinate with PARTY B to resolve customer complaints (if any) related to the quality and services provided at the Project.*
- Tạo điều kiện để BÊN B kéo điện trực tiếp từ điện lực.
- *Create conditions for PARTY B to pull electricity directly from electricity.*

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của BÊN B:

Article 4. Rights and obligations of PARTY B:

4.1 Quyền của BÊN B:

Rights of PARTY B:

- Yêu cầu BÊN A thực hiện đúng các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.
- *Request PARTY A to properly perform the obligations specified in this Contract.*
- Được sử dụng mặt bằng để thi công theo đúng thiết kế theo quy định của Hợp đồng này.
- *To use the premises for construction in accordance with the design in accordance with the provisions of this Contract.*
- BÊN B được phép lắp đặt điện nguồn cho các thiết bị lắp trong mặt bằng thuê, kết nối với hệ thống điện hiện có của tòa nhà tại mặt bằng thuê. BÊN B được phép nối hệ thống

tiếp đất và thiết bị trong mặt bằng thuê với hệ thống có sẵn của tòa nhà. Hoặc, tự kéo điện trực tiếp từ điện lực sau khi được chấp thuận bằng văn bản của BÊN A.

- *PARTY B is allowed to install power supply for equipment installed in the leased premises, connecting to the existing electrical system of the building at the leased premises. PARTY B is allowed to connect the grounding system and equipment in the rented premises to the existing system of the building. Or, manually pull electricity directly from electricity after getting the written approval of PARTY A.*
- Được áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin. Việc này chỉ được tiến hành sau khi có sự thống nhất trước bằng văn bản với BÊN A.
- *To apply necessary measures as prescribed by law to ensure safety of telecommunications networks and information security. This can only be done after prior written agreement with PARTY A.*
- Được quyền hợp tác với đối tác khác để cùng đầu tư, phát triển và khai thác dịch vụ cũng như các dịch vụ phụ trợ khác trên hạ tầng đã đầu tư sao cho dịch vụ mang lại lợi ích cho BÊN A tốt nhất.
- *Have the right to cooperate with other partners to jointly invest, develop and exploit services as well as other ancillary services on the invested infrastructure so that the service brings the best benefits to PARTY A.*
- Nếu Hợp đồng này chấm dứt, BÊN B sẽ được quyền tháo dỡ hệ thống IBS và có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng mặt bằng theo quy định tại Điều 10.
- *If this Contract terminates, PARTY B will be entitled to dismantle the IBS system and be responsible for returning the premises to the original condition as prescribed in Article 10.*

4.2 Nghĩa vụ của BÊN B

Obligations of PARTY B

- Cập nhật liên tục công nghệ theo xu thế trên thế giới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và đẳng cấp của Dự án, theo yêu cầu của BÊN A (phù hợp với quy định của Bộ Thông tin Truyền thông và Nhà Cung Cấp Dịch Vụ) tùy từng thời điểm;
- *Continuously update technology according to world trends to meet the needs of customers and the level of the Project, at the request of PARTY A (in accordance with the regulations of the Ministry of Information and Communications and the Service Providers) from time to time;*
- Cung cấp đầy đủ cho BÊN A hồ sơ doanh thu trung thực, chính xác định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của BÊN A (nếu có), đồng thời chịu mọi trách nhiệm pháp lý liên quan đến tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ này. Trong trường hợp cần thiết, BÊN A có quyền yêu cầu làm việc với các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ để xác minh, theo đó, BÊN B có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết và tạo điều kiện để BÊN A làm việc trực tiếp với từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ theo yêu cầu của BÊN A.
- *Fully provide PARTY A with honest and accurate revenue records on a monthly basis or at the unexpected request of PARTY A (if any), and at the same time bear all legal responsibility related to the accuracy, legal legality of these records. In case of necessity, PARTY A has the right to request to work with Service Providers to verify, accordingly, PARTY B is responsible for providing necessary information and creating conditions for Party A to work directly with each Service Provider at the request of PARTY A.*
- Thanh toán các khoản thuế, phí phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bao gồm cả thuế GTGT trên các khoản thanh toán cho BÊN A.

- *Pay taxes and fees incurred during the performance of the Contract, including VAT on payments to PARTY A.*
- BÊN B không được cho thuê lại tất cả hay một phần diện tích phòng máy hoặc cho mượn, cho sử dụng chung, chuyển nhượng, chuyển giao hoặc cầm cố, thế chấp quyền thuê hoặc thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến diện tích phòng máy theo thỏa thuận của các bên hoặc sử dụng không đúng mục đích làm phòng máy nếu không được BÊN A đồng ý trước bằng văn bản.
- *PARTY B may not sub-lease all or part of the machine room area or lend, share, transfer, transfer or pledge, mortgage the right to rent or perform any transaction related to the area of the machine room according to the agreement of the parties or use it for improper purposes without the prior written consent of PARTY A.*
- Chấp hành đầy đủ các quy định bắt buộc của chính quyền địa phương nói chung và các quy định của Ban Quản lý nói riêng. Bắt buộc mọi nhân viên, nhà thầu hoặc bất kỳ người nào thuộc BÊN B tuân thủ Hợp đồng này, nội quy tòa nhà hoặc sổ tay khách hàng do BÊN A ban hành và áp dụng vào từng thời điểm ("Nội Quy"), đặc biệt là các quy định về Phòng cháy chữa cháy;
- *Fully comply with the mandatory regulations of the local government in general and the regulations of the Management Board in particular. Oblige all employees, contractors or any person of PARTY B to comply with this Contract, the building rules or the customer handbook issued by PARTY A and applied from time to time (the "Rules"), especially regulations on fire prevention and fighting;*
- Trong suốt thời hạn thuê phòng máy, nếu BÊN B cần thiết phải cải tạo, sửa chữa, làm mới hoặc nâng cấp, hoặc cần lắp thêm trang thiết bị theo yêu cầu sử dụng riêng tại diện tích phòng máy thì phải gửi cho BÊN A thiết kế nội dung sửa chữa cải tạo ... và phải được sự đồng ý của BÊN A bằng văn bản trước khi thực hiện. Mọi chi phí cho BÊN B chịu và phải tuân thủ các quy định xây dựng cơ bản của pháp luật Việt Nam và các nội quy, quy định có liên quan của BÊN A.
- *During the lease term of the engine room, if PARTY B needs to renovate, repair, renew or upgrade, or needs to install additional equipment according to its own use requirements at the machine room area, it must send to PARTY A design repair and renovation content ... and must obtain the consent of PARTY A in writing before implementation. All expenses are borne by PARTY B and must comply with the basic construction regulations of Vietnam's law and relevant rules and regulations of PARTY A.*
- Có trách nhiệm cung cấp cho BÊN A một chìa khóa (hoặc thẻ từ, hoặc mã số...) của diện tích phòng máy để BÊN A sử dụng trong trường hợp khẩn cấp có thể gây nguy hại đối với diện tích phòng máy và/hoặc Dự án. Chìa khóa này sẽ được để trong phong bì được niêm phong có chữ ký hoặc dấu của BÊN B. BÊN A sẽ lưu giữ chìa khóa tại nơi an toàn và chỉ sử dụng trong trường hợp cần thiết, khẩn cấp và BÊN A phải thông báo cho BÊN B trước khi sử dụng chìa khóa dự phòng để vào diện tích thuê, trừ các trường hợp khẩn cấp hoặc không liên hệ được với BÊN B hoặc có sự chứng kiến của bên thứ ba có thẩm quyền.
- *To be responsible for providing PARTY A with a key (or magnetic card, or code...) of the machine room area for PARTY A to use in an emergency that may cause damage to the machine room area and/or Project. This key will be placed in a sealed envelope signed or stamped by PARTY B. PARTY A will keep the key in a safe place and use it only in necessary and urgent cases and PARTY A must notify PARTY B before using the spare key to enter the rented area, except for the following cases: urgent or unable to contact PARTY B or witnessed by an authorized third party.*
- Bàn giao lại diện tích phòng máy cho BÊN A theo đúng nguyên trạng vào ngày bàn giao thực tế trong vòng 10 ngày kể từ ngày chấm dứt thời hạn thuê. Trường hợp BÊN B

không thực hiện, BÊN A có quyền tự thực hiện hoặc thuê bên thứ ba thực hiện với mọi chi phí di dời, bàn giao mặt bằng thuộc về BÊN B. Nếu BÊN B để lại bất kỳ tài sản nào tại vị trí phòng máy mà không di dời theo thời hạn BÊN A yêu cầu, BÊN B tại đây đồng ý rằng các tài sản đó đã bị BÊN B vứt bỏ và BÊN A có toàn quyền sở hữu, xử lý đối với các tài sản bị BÊN B vứt bỏ này.

- *Hand over the machine room area to PARTY A in its original condition on the actual handover date within 10 days from the date of termination of the lease term. In the event that PARTY B fails to perform, PARTY A has the right to do it by itself or hire a third party to do it with all costs of relocation and handing over the premises belonging to PARTY B. If PARTY B leaves any property at the location of the engine room without moving within the time required by PARTY A, PARTY B hereby agrees that such assets have been disposed of by PARTY B and PARTY A has full rights owning and handling these properties discarded by PARTY B.*
- Các nhân viên, cộng sự, nhà thầu của BÊN B làm việc tại diện tích phòng máy và/hoặc Dự án phải có giấy tờ hợp pháp và phù hiệu của BÊN B và phải thông báo cho BÊN A trước khi làm việc tại diện tích phòng máy và/hoặc Dự án.
- *The employees, associates, contractors of PARTY B working in the area of the machine room and/or the Project must have legal papers and badges of PARTY B and must notify PARTY A before working at the machine room area and/or Project.*
- Tự chịu trách nhiệm về tính an toàn của tất cả các trang thiết bị lắp đặt trong diện tích phòng máy. Trong suốt thời hạn thuê, BÊN B sẽ, bằng chi phí và phí tổn riêng của mình, mua, duy trì và giải quyết các loại bảo hiểm bao gồm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại một công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và cung cấp cho BÊN A một bản sao (có dấu sao y bản chính) Hợp đồng bảo hiểm của BÊN B ngay khi BÊN A có yêu cầu.
- *To be responsible for the safety of all equipment installed in the machine room area. During the lease term, PARTY B will, at its own cost and expense, purchase, maintain and settle insurances including civil liability and compulsory fire insurance at an insurance company legally operating in Vietnam and provide PARTY A with a copy (with a true copy of the original) of PARTY B's Insurance Policy at the request of PARTY A.*
- Có trách nhiệm vận hành hệ thống đáp ứng các cam kết về yêu cầu xử lý sự cố và bảo trì bảo dưỡng theo quy định tại **Phụ lục 01** nhằm đáp ứng tốt nhất chất lượng dịch vụ cung cấp cho Khách hàng tại Dự Án.
- *To be responsible for operating the system to meet commitments on troubleshooting and maintenance requirements as specified in **Appendix 01** in order to best meet the quality of service provided to Customers at the Project.*
- Phối hợp với đơn vị tổng thầu trong suốt quá trình thi công đảm bảo tiến độ thi công lắp đặt hệ thống GPON, IBS phải theo kịp tiến độ thi công của tổng thầu. Trong trường hợp bên B chậm trễ thi công gây thiệt hại cho tổng thầu thì bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí phát sinh thiệt hại.
- *Coordinate with the general contractor throughout the construction process to ensure the construction progress of the GPON, IBS must keep up with the construction progress of the general contractor. In the event that Party B delays in construction causing damage to the general contractor, Party B will bear all costs incurred for the damage.*

Điều 5. Tiền Thuê Cố Định, Tiền Thuê Theo Doanh Thu và Phương thức thanh toán

Article 5. Fixed Rent, Revenue Based Rent and Payment Method

5.1 Tiền Thuê Cố Định:

Fixed Rent:

a. BÊN B có trách nhiệm thanh toán cho BÊN A khoản tiền thuê cố định để được sử dụng mặt bằng của BÊN A làm phòng máy với các thông tin chi tiết như sau:

PARTY B is responsible for paying PARTY A a fixed rent to use PARTY A's premises as a machine room with the following details:

- Vị trí phòng máy: tầng hầm của Dự án. Trong trường hợp cần thiết, các bên có thể thỏa thuận về việc dịch chuyển vị trí phòng máy theo đề xuất vị trí mới của một BÊN Bởi lý do thay đổi công năng sử dụng hoặc nhằm phù hợp với quy hoạch hiện hữu của Dự án tùy từng thời điểm.
- *Machine room location: Project basement. In case of necessity, the parties can agree on the relocation of the engine room location according to the proposal of a new location of one PARTY Due to the change of use capacity or to conform to the existing planning of the Project from time to time.*
- Thời hạn thuê: 10 năm, kể từ ngày Dự án được khai trương và đưa vào sử dụng.
- *Lease term: 10 years from the date the Project was opened and put into use.*
- Ngày bàn giao dự kiến: sẽ được BÊN A thông báo cho BÊN B phù hợp với tiến độ chung của Dự án.
- *Estimated Handover Date: will be notified by PARTY A to PARTY B in accordance with the overall progress of the Project.*
- Thời gian bắt đầu tính Tiền Thuê Cố Định: Kể từ ngày Bên A bắt đầu bàn giao căn hộ cho khách hàng hoặc bất kỳ tòa nhà nào thuộc PK1 khai trương đưa vào sử dụng.
- *Starting time to calculate the Fixed Rent: From the date Party A starts handing over the apartment to customers or any building in PK1 is opened and put into use.*
- Giá thuê phòng máy (chưa gồm VAT): **5.000.000 đồng/tháng/phòng máy** *(Bằng chữ: Năm triệu đồng một tháng một phòng máy).*
- *Machine room rental price (excluding VAT):* ***VND 5,000,000/month/machine room*** *(In words: Five million Vietnam dongs a month per machine room).*
- Số lượng phòng máy: theo thiết kế được BÊN A phê duyệt.
- *Number of machine rooms: according to the design approved by PARTY A.*

b. Tiền thuê cố định có thể được thay đổi theo thỏa thuận của Các Bên phù hợp với tình hình thị trường, theo thời hạn 1 năm/lần (nhưng không tăng quá 10% so với năm hiện tại), trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

The fixed rent may be changed by agreement of the Parties in accordance with the market situation, for a term of 1 year/time (but not to increase by more than 10% compared to the current year), unless the parties agree otherwise.

c. Tiền Thuê Cố Định này chưa bao gồm các khoản tiền sử dụng dịch vụ tiện ích khác của Dự án. Theo đó, BÊN B có trách nhiệm thanh toán các chi phí khác cụ thể như sau:

This Fixed Rent does not include fees for using other utility services of the Project. Whereby, PARTY B is responsible for paying other coststspecifically as follows:

- Điện: Được tính theo mức tiêu thụ thực tế đo bằng công tơ, theo đơn giá điện quy định của Nhà nước. Để làm rõ, BÊN B, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm lắp đặt công tơ điện tại phòng máy để xác định mức tiêu thụ điện hàng tháng của BÊN B kể từ ngày bắt đầu của thời hạn thuê phòng máy.
- *Electricity: It is calculated according to the actual consumption measured by the meter, according to the electricity unit price prescribed by the State. For*

clarification, PARTY B, at its own expense, is responsible for installing an electric meter at the machine room to determine the monthly electricity consumption of PARTY B from the start date of the machine room lease term.

- Các dịch vụ khác (nếu có): Các chi phí này được thanh toán theo quy định chung của BÊN A/Ban quản lý tại Dự án áp dụng cho các khách thuê khác tùy từng thời điểm.
- *Other services (if any): These costs are paid according to the general regulations of PARTY A/Management Board at the Project applicable to other tenants from time to time.*
- Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt Thời hạn thuê phòng máy, đơn giá điện và các loại phí, các dịch vụ khác (nếu có) có thể được thay đổi theo thông báo của BÊN A hoặc theo văn bản thông báo thay đổi đơn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- *For clarity, the Parties agree that, at any time during the lease term of the machine room, the unit price of electricity and fees, other services (if any) may be changed upon notice of the PARTY A or according to a written notice of unit price change issued by a competent state agency.*

5.2 Tiền Thuê Theo Doanh Thu

Revenue-Based Rent

a. BÊN A được nhận một khoản tiền thuê theo doanh thu mà BÊN B nhận được từ các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ kết nối vào Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON trong phạm vi Dự án ("**Tiền Thuê Theo Doanh Thu**"), được tính bằng **5% (năm phần trăm)** Doanh Thu từ Hệ Thống IBS và **10% (mười phần trăm)** Doanh Thu từ Hệ Thống GPON:

Để làm rõ:

*PARTY A is entitled to a rental amount according to the revenue that PARTY B receives from the Service Providers connected to the IBS System and the GPON System within the Project scope (**"Revenue-Based Rent"**), is expressed in **5% (five percent)** Revenue from IBS System and **10% (ten percent)** Revenue from GPON System:*

To clarify:

(i) **Doanh Thu**: là tổng doanh thu thực tế trước thuế VAT của BÊN B thu được từ các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ thể hiện tại hồ sơ doanh thu (như được định nghĩa bên dưới) mà BÊN B cung cấp cho BÊN A.

***Revenue:** is the actual total revenue before VAT of PARTY B collected from Service Providers as shown in the revenue record (as defined below) that PARTY B provides to PARTY A.*

(ii) Tiền Thuê Theo Doanh Thu chưa bao gồm thuế GTGT.

Revenue-Based Rent does not include VAT.

b. Tiền Thuê Theo Doanh Thu có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

Revenue-Based Rent may be adjusted in the following cases:

- Thay đổi cách tính tiền thuê/tiền chia sẻ doanh thu giữa BÊN B và các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ; hoặc
- *Change the calculation of rent/revenue sharing between PARTY B and Service Providers; or*
- Phù hợp với mức chung của thị trường với các bằng chứng về Tiền Thuê Theo Doanh Thu của các dự án khác do BÊN A cung cấp cho BÊN B.
- *Consistent with the general market level with proof of Revenue-Based Rent of other projects provided by PARTY A to PARTY B.*

5.3 Phương thức Thanh toán:

Payment methods:

a. Tiền Thuê Cố Định :

Fixed Rent:

BÊN B sẽ thanh toán trước Tiền Thuê Cố Định nêu tại Điều 5.1(a) cho BÊN A trong vòng 08 ngày đầu tiên của mỗi tháng/quý theo phương thức chuyển khoản. Tiền Thuê Cố Định nêu tại Điều 5.1(c) được thanh toán hàng tháng/quý, trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của BÊN A. Các khoản phí dịch vụ sử dụng điện, nước và các khoản phí dịch vụ tiện ích khác (nếu có) sẽ được căn cứ theo khối lượng sử dụng thực tế và quy định của BÊN A tại tòa nhà.

PARTY B shall make advance payment of the Fixed Rent mentioned in Article 5.1(a) to PARTY A within the first 08 days of each month/quarter by transfer method. The Fixed Rent mentioned in Article 5.1(c) is paid monthly/quarterly, within 07 (seven) days from the date of receipt of PARTY A's notice. Service charges for using electricity, water and other utility service charges (if any) will be based on actual usage volume and PARTY A's regulations at the building.

b. Tiền Thuê Theo Doanh Thu :

Revenue-Based Rent:

- BÊN B thanh toán tiền thuê theo doanh Thu cho BÊN A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được Debit Note (giấy báo nợ) do BÊN A phát hành trên cơ sở hồ sơ doanh thu do BÊN B cung cấp đối với từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ.
- *PARTY B pays the rent according to the revenue to PARTY A within 15 days from the date of receipt of the Debit Note issued by PARTY A on the basis of the revenue records provided by PARTY B for each Service Provider.*
- Để làm căn cứ tính Tiền Thuê Theo Doanh Thu, BÊN B có trách nhiệm cung cấp hồ sơ doanh thu của từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ cho BÊN A **trong vòng 03 ngày của tháng liền sau** tháng mà BÊN B phát hành hóa đơn cho bất kỳ Nhà Cung Cấp Dịch Vụ nào, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau:
- *As a basis for calculating Revenue-Based Rent, PARTY B is responsible for providing revenue records of each Service Provider to Party A* ***within 3 days of the month*** *immediately following the month that PARTY B issues the invoice to any Service Provider, including but not limited to the following documents:*

(i) Bản sao kèm bản gốc (để đối chiếu) hoặc bản gốc Hợp đồng thuê với các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ cùng các thỏa thuận, sửa đổi bổ sung các hợp đồng đó; và

A copy with the original (for comparison) or the original of the Lease Contract with the Service Providers and their agreements, amendments and supplements; and

(ii) Bản sao các hóa đơn tài chính hợp lệ mà BÊN B đã phát hành cho từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ; và

Copies of valid financial invoices issued by PARTY B to each Service Provider; and

(iii) Bản gốc báo cáo doanh thu thực tế của BÊN B đối với từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ; và

Original report of actual revenue of PARTY B for each Service Provider; and

(iv) Biên bản nghiệm thu từng kỳ của BÊN B đối với từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ;

PARTY B's periodical acceptance minutes for each Service Provider;

(v) Các hồ sơ khác theo yêu cầu hợp lý của BÊN A tùy từng thời điểm phù hợp với tình hình thực tiễn và theo các quy định của pháp luật hiện hành, nếu có.

Other documents at the reasonable request of PARTY A from time to time in accordance with the actual situation and the provisions of the current law, if any.

(sau đây gọi tắt là "**Hồ Sơ Doanh Thu**")

*(hereinafter referred to as "**Revenue Profile**")*

- Kỳ thanh toán: theo thời hạn thanh toán của từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ trong phạm vi Dự án quy định tại từng Hợp đồng thuê với Nhà Cung Cấp Dịch Vụ ("**Kỳ Thanh Toán**"). Theo đó, kỳ thanh toán đầu tiên đối với từng Nhà Cung Cấp Dịch Vụ được tính kể từ thời điểm BÊN B đã xuất hoá đơn hợp lệ cho Nhà Cung Cấp Dịch Vụ đó theo đúng quy định của Hợp đồng thuê với Nhà Cung Cấp Dịch Vụ và theo quy định của pháp luật hiện hành.
- *Payment period: according to the payment term of each Service Provider within the Project scope specified in each Lease Contract with the Service Provider ("**Payment Period**"). Accordingly, the first payment period for each Service Provider is counted from the time PARTY B has issued a valid invoice to that Service Provider in accordance with the provisions of the Lease Contract with the Service Provider and in accordance with applicable laws.*
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của BÊN A như quy định tại phần thông tin của Các Bên hoặc theo thông tin do BÊN A thông báo cho BÊN B tùy từng thời điểm (nếu có).
- *Form of payment: transfer money to PARTY A's account as specified in the information of the Parties or according to the information notified by PARTY A to PARTY B from time to time (if any).*

Điều 6. Thời gian - Tiến độ thi công:

Article 6. Construction time - progress:

6.1 Thời gian thực hiện thi công:

Construction time:

Tiến độ cụ thể của thời gian thực hiện nêu trên sẽ được BÊN B lập chi tiết trình cho đại diện của BÊN A để BÊN A xem xét và kiểm soát tiến độ, và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

The specific progress of the above implementation time will be detailed by PARTY B and submitted to PARTY A's representative for PARTY A to review and control progress, and is an integral part of this Contract.

Thời gian hoàn thành công việc: phải đảm bảo tiến độ chung của Dự án và đảm bảo các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ có thể sử dụng Hệ Thống IBS và Hệ Thống GPON để cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng ngay khi Dự án được khai trương đưa vào hoạt động.

Completion time: must ensure the overall progress of the Project and ensure that Service Providers can use the IBS System and the GPON System to provide Services to Customers as soon as the Project is inaugurated and put into operation.

6.2 Thời gian thi công sẽ được gia hạn khi xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc thay đổi thiết kế do BÊN A yêu cầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công (có văn bản xác nhận của BÊN A).

Construction time will be extended when force majeure events or design changes requested by PARTY A affect the construction progress (with written confirmation of PARTY A).

6.3 Vào bất kỳ thời điểm nào, BÊN A có thể đề nghị BÊN B tạm dừng tiến độ và thông báo cho BÊN B nguyên nhân tạm dừng của một phần hay toàn bộ hạng mục công trình. Trong thời gian tạm dừng đó, BÊN B có trách nhiệm bảo vệ và đảm bảo hạng mục – công việc không bị xuống cấp, mất mát hay hư hỏng. Nếu việc tạm dừng do lỗi của BÊN B thì BÊN B sẽ không được gia hạn thời gian để bù do việc tạm dừng gây ra.

At any time, PARTY A may request the PARTY B to suspend the progress and notify the PARTY B of the reason for the suspension of part or the whole of the work item. During that suspension, PARTY B is responsible for protecting and ensuring that the item - work is not degraded, lost or damaged. If the suspension is due to PARTY B's fault, PARTY B will not be extended the time to compensate for the suspension caused.

Điều 7. Phạt do vi phạm Hợp đồng:

Article 7. Penalty for breach of contract:

7.1. Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, Bên nào không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

During the validity of the Contract, any party failing to properly and fully perform his obligations shall be subject to penalties and claims as provided for by law and this Contract.

7.2. Phạt vi phạm về chất lượng và điều kiện kỹ thuật.

Penalties for violations of quality and technical conditions.

- Nếu BÊN B thi công không đúng và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và yêu cầu của Dự án thì BÊN B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó. Việc thay thế/sửa chữa/khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được BÊN A nghiệm thu và xác nhận bằng văn bản. Để làm rõ, việc thay thế/sửa chữa/khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do BÊN A thông báo. Nếu BÊN B không thay thế/sửa chữa/khắc phục hoặc cố ý trì hoãn hoặc việc thay thế/sửa chữa/khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng hoặc có nguy cơ làm chậm tiến độ cung cấp dịch vụ khi Dự án khai trương, BÊN A có quyền chấm dứt Hợp đồng và đưa đơn vị khác vào thực hiện, BÊN B sẽ phải chịu tất cả các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó, đồng thời giải quyết theo điều kiện chấm dứt Hợp đồng (Điều 11.4.1).
- *If PARTY B incorrectly executes and ensures the quality required by the shop drawings, technical standards and procedures and requirements of the project, PARTY B shall replace or repair/remedy and bear the cost of replacing/repairing/fixing it. Replacement/repair/remedy is considered complete after being accepted by PARTY A and confirmed in writing. To clarify, the replacement/repair/remedy must be made*

within a reasonable time notified by PARTY A. If PARTY B fails to replace/repair/cure or intentionally delays or replaces/repairs/cures incompletely, does not guarantee quality, or threatens to slow down the service delivery schedule when Project opening project, PARTY A has the right to terminate the Contract and put another unit into practice, PARTY B will bear all actual costs incurred in connection with such replacement/repair/cure, and settlement time according to the contract termination conditions (Article 11.4.1).

- Nếu BÊN B cung cấp dịch vụ cho Khách hàng không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng quy định của Nhà nước gây thiệt hại cho khách hàng thì BÊN B phải khắc phục các vi phạm về chất lượng dịch vụ và bồi thường cho khách hàng toàn bộ thiệt hại đó. Trường hợp BÊN B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các công việc khắc phục hay khôi phục này gây thiệt hại nghiêm trọng cho khách hàng thì BÊN A có quyền chấm dứt Hợp đồng và đưa nhà cung cấp khác vào thay thế BÊN B khai thác, cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong khu vực Dự án và giải quyết theo điều kiện chấm dứt Hợp đồng (Điều 11.4.1).
- *If PARTY B provides services to the Customer that do not meet the quality standards or do not comply with the regulations of the State, causing damage to the customers, PARTY B must remedy the violations of service quality and compensate the customers for the entire such damage. In case PARTY B fails to perform or does not fully perform these remedial or restoration works, causing serious damage to the customer, PARTY A has the right to terminate the Contract and bring in another supplier to replace PARTY B in exploiting and providing services to customers in the Project area and settle according to the conditions of contract termination (Article 11.4.1).*
- Nếu BÊN B không đảm bảo các điều kiện kỹ thuật cho việc kết nối với các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ theo Hợp đồng này, BÊN A có quyền chấm dứt Hợp đồng và đưa nhà cung cấp khác vào thay thế BÊN B khai thác, cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong khu vực Dự án và giải quyết theo điều kiện chấm dứt Hợp đồng (Điều 11.4.1).
- *If PARTY B does not guarantee the technical conditions for the connection with the Service Providers under this Contract, PARTY A has the right to terminate the Contract and bring in another supplier to replace PARTY B in exploiting, providing provide services to customers in the Project area and settle according to the conditions of contract termination (Article 11.4.1).*

7.3 Phạt vi phạm tiến độ:

Penalties for progress violations:

Trừ trường hợp bất khả kháng và các nguyên nhân khách quan, nếu do lỗi của BÊN B mà thời hạn nghiệm thu, bàn giao đưa hạng mục công trình vào sử dụng bị chậm trễ không theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng, BÊN A có quyền chấm dứt Hợp đồng và đưa nhà thầu khác vào tiếp tục thực hiện. BÊN B sẽ phải đền bù thiệt hại do việc chậm trễ đó đồng thời giải quyết theo quy định tại Điều 11.4.1 của Hợp đồng.

Except in case of force majeure and objective reasons, if due to PARTY B's fault, the time limit for acceptance, handing over and putting the work item into use is delayed not as specified in Article 6 of the Contract, PARTY A has the right to terminate the Contract and bring in another contractor to continue the performance. PARTY B will have to compensate for the damage caused by such delay and settle it in accordance with the provisions of Article 11.4.1 of the Contract.

7.4 Phạt do vi phạm về cung cấp thông tin:

Penalties for violations of information provision:

Nếu BÊN B cung cấp cho BÊN A các thông tin liên quan đến Hợp đồng mà BÊN B ký với các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ không đầy đủ hoặc không chính xác theo quy định tại Hợp đồng này thì BÊN B phải khắc phục ngay các vi phạm này bằng cách cung cấp bổ sung đầy đủ các thông tin liên quan và phải thanh toán cho BÊN A khoản phí doanh thu đối với những khoản phí bị bỏ sót đó, đồng thời phải chịu phạt 5% trên tổng số tiền mà BÊN B bị bỏ sót.

If PARTY B provides PARTY A with the information related to the Contract that PARTY B signed with the Service Providers that is incomplete or incorrect as prescribed in this Contract, PARTY B must immediately remedy these violations by providing additional relevant information and must pay PARTY A a revenue fee for those omitted fees, and at the same time be subject to a penalty of 5% of the total amount that PARTY B omitted.

Trường hợp BÊN B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc khắc phục các vi phạm trên đây và/hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của BÊN A thì BÊN A có quyền chấm dứt Hợp đồng và đưa nhà cung cấp khác vào thay thế BÊN B khai thác, cung cấp dịch vụ cho khách hàng và giải quyết theo quy định tại Điều 11.4.1 của Hợp đồng.

In the event that PARTY B fails to perform or does not fully implement the remedy for the above violations and/or affects the reputation of PARTY A, PARTY A has the right to terminate the Contract and bring in another provider to replace PARTY B in exploiting, providing services to customers and settle according to the provisions of Article 11.4.1 of the Contract.

7.5. Phạt chậm thanh toán:

Penalty for late payment:

Nếu BÊN B chậm thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn theo Hợp đồng, BÊN B phải trả cho BÊN A khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố áp dụng cho khách hàng cá nhân lãi suất trả sau tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Việc BÊN B thanh toán tiền lãi không ảnh hưởng đến quyền của BÊN A trong việc áp dụng các biện pháp xử lý, khắc phục được quy định tại các điều khoản khác của Hợp đồng.

If PARTY B is late to pay any amount due under the Contract, PARTY B shall pay to PARTY A interest on the late payment at the interest rate of 12-month term savings deposit issued by the Investment Commercial Joint Stock Bank and Development of Vietnam (BIDV) announced to apply to individual customers the postpaid interest rate corresponding to the delay time at the time of payment. PARTY B's payment of interest does not affect the right of PARTY A to apply the remedial measures stipulated in other provisions of the Contract.

7.6. Phạt do vi phạm Quy định, Nội quy công trường trong quá trình thi công:

Penalties for violating regulations and site rules during construction:

Trong trường hợp BÊN B và/hoặc người làm công, công nhân, chuyên gia, cán bộ, nhân viên, đại lý, khách mời của BÊN B vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động xây dựng (bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự trong quá trình thi công), BÊN B sẽ phải chịu phạt vi phạm đối với từng hành vi vi phạm cụ thể và tùy theo mức độ vi phạm theo quy định do BÊN A ban hành tại công trường, phù hợp với pháp luật từng thời điểm, đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm đó gây ra cho các bên có liên quan.

In case PARTY B and/or its employees, workers, experts, officials, employees, agents, guests violate the regulations on safety in construction activities (including but not limited to regulations on occupational safety, environmental sanitation, fire prevention and security during the construction process), PARTY B will be subject to fines for each specific violation and depending on the seriousness of the violation according to regulations issued by PARTY A at the construction site and in accordance with the law from time to time, at the same time must compensate for all damage caused by such violations to related parties.

Điều 8. Nghiệm thu công trình

Article 8. Acceptance of works

8.1 Khi BÊN B hoàn tất việc thi công lắp đặt tất cả các hạng mục theo Hợp đồng này, BÊN B sẽ thông báo cho BÊN A bằng văn bản để tiến hành nghiệm thu hoàn thành. Sau khi nhận được văn bản thông báo nghiệm thu của BÊN B, trong vòng 24 giờ BÊN A sẽ xác nhận thời gian để nghiệm thu.

When PARTY B completes the construction and installation of all items under this Contract, PARTY B will notify PARTY A in writing to conduct the acceptance test for completion. After receiving the written notice of acceptance by PARTY B, within 24 hours PARTY A will confirm the time for acceptance.

8.2 BÊN B có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết theo qui định để hai bên cùng tiến hành nghiệm thu công trình.

PARTY B is responsible for preparing all documents, papers and necessary conditions as prescribed for both parties to conduct the acceptance test of the project.

8.3 Thực hiện nghiệm thu và bàn giao theo các nội dung quy định của BÊN A và pháp luật hiện hành.

Carry out the acceptance test and handover according to the provisions of PARTY A and current laws.

Điều 9. Thời hạn và hiệu lực của Hợp đồng

Article 9. Term and validity of the contract

- Hợp đồng này có thời hạn 10 (mười) năm kể từ ngày Hợp đồng được ký kết ("Thời Hạn"). Trong vòng 01 (một) tháng trước khi thời hạn của Hợp đồng kết thúc, mỗi bên có thể đề xuất cho bên kia bằng văn bản về việc gia hạn Hợp đồng này. Trường hợp việc gia hạn Hợp đồng này được các bên thống nhất, các bên, sẽ ký một Phụ lục để gia hạn Hợp đồng hoặc một Hợp đồng mới theo mẫu Hợp đồng của BÊN A.

- *This Contract has a term of 10 (ten) years from the date the Contract is signed ("Term"). Within 01 (one) month prior to the expiration of the Contract term, each party may propose to the other in writing an extension of this Contract. In case the extension of this Contract is agreed by the parties, the parties, shall sign an Appendix to renew the Contract or a new Contract according to the Contract form of PARTY A.*
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này, mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung phải được thỏa thuận và ký kết bằng phụ lục Hợp đồng.
- *The two Parties undertake to fully implement the terms agreed in this Contract, any amendment or supplement must be agreed and signed in the Contract Appendix.*
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyền của hai bên liên quan tới việc được phép đầu tư hệ thống tại Dự án có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng và không phụ thuộc vào tình trạng hoặc thời điểm triển khai hay hoàn thành Dự án.
- *This contract takes effect from the date of signing. The rights of both parties related to being allowed to invest in the system in the Project are effective from the date of signing the Contract and do not depend on the status or time of implementation or completion of the Project.*

Điều 10. Quyền sở hữu, kế thừa và chuyển giao Hợp đồng

Article 10. Ownership, inheritance and transfer of the Contract

10.1. Quyền sở hữu

Ownership

Toàn bộ hệ thống do BÊN B đầu tư là tài sản của BÊN B. Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn, việc xử lý trong trường hợp này sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng.

The entire system invested by PARTY B is the property of PARTY B. In case the Contract terminates before the time limit, the handling in this case will be settled according to the provisions of Article 11 of the Contract.

10.2. Kế thừa và chuyển giao Hợp đồng

Inheritance and transfer of the Contract

BÊN B cam kết và đồng ý rằng, BÊN A có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho bên thứ ba với điều kiện là việc chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của các bên theo Hợp đồng này. Để làm rõ, trong trường hợp BÊN A tái cấu trúc hoặc tổ chức lại bằng các cách khác nhau bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi hình thức pháp lý hoặc bằng hình thức khác thì tổ chức mới được hình thành từ việc tái cấu trúc hoặc tổ chức lại đó sẽ đương nhiên được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của BÊN A được quy định trong Hợp đồng này.

PARTY B commits and agrees that, PARTY A has the right to assign or transfer the rights/obligations under this Contract to a third party provided that such assignment or transfer of rights/obligations does not cause damage to the rights and interests of the parties under this Contract. To clarify, in case PARTY A restructures or reorganizes in

different ways including but not limited to division, separation, merger, consolidation, renaming, change of legal form or otherwise, the new organization formed from such restructuring or reorganization will automatically inherit the rights and obligations of PARTY A specified in this Contract.

Điều 11. Chấm dứt Hợp đồng

Article 11. Termination of contract

11.1 Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

This contract will take effect from the date of signing and will terminate in the following cases:

a. Hợp đồng hết thời hạn mà hai bên không thỏa thuận gia hạn theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng;

The contract expires but the two parties do not agree on the extension as prescribed in Article 9 of the Contract;

b. Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, hai Bên sẽ thỏa thuận các điều kiện và thời hạn chấm dứt Hợp đồng.

The two parties agree to terminate the Contract; In this case, the two parties will agree on terms and time of termination.

c. Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng này.

Other cases as provided in this Contract.

11.2 BÊN A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

PARTY A is entitled to unilaterally terminate the Contract in the following cases:

a. BÊN B vi phạm nghiêm trọng một trong các nghĩa vụ đã quy định tại Hợp đồng (bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về tiến độ thi công/xây dựng, thanh toán, chất lượng thi công/dịch vụ,… trừ trường hợp tiến độ bị tạm dừng theo quy định tại Điều 5.3 của Hợp đồng này). Để làm rõ, các hành vi vi phạm được coi là nghiêm trọng khi các vi phạm đó không được sửa chữa/khắc phục trong khoảng thời gian hợp lý do BÊN A thông báo (hoặc thời hạn khác nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khắc phục của BÊN A); và/hoặc

PARTY B seriously violates one of the obligations specified in the Contract (including but not limited to regulations on construction progress, payment, construction/service quality,... in case progress is suspended as prescribed in Article 5.3 of this Contract). For clarification, violations are considered serious when such violations are not corrected/remedied within a reasonable period of time notified by PARTY A (or other time limit but not exceeding 15 days from receive a written request for remedial action of PARTY A); and/or

b. BÊN B bỏ dở công việc việc hoặc ngừng thực hiện công việc tới 20 ngày mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của BÊN A, hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng; và/hoặc

PARTY B leaves the work unfinished or stop performing the work for up to 20 days without PARTY A's prior written approval or express its intention not to continue performing the obligations under the Contract; and/or

c. BÊN B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho BÊN A khoản phí doanh thu mà BÊN A được hưởng theo quy định của Hợp đồng này; và/hoặc

PARTY B fails to pay or incompletely pays PARTY A the revenue fee that PARTY A is entitled to in accordance with the provisions of this Contract; and/or

d. BÊN B cho thầu phụ thực hiện công việc của Hợp đồng hoặc chuyển giao/chuyển nhượng Hợp đồng mà không được BÊN A chấp thuận trước bằng văn bản; và/hoặc

PARTY B allows the subcontractor to perform the work of the Contract or transfers/assigns the Contract without the prior written consent of PARTY A; and/or

e. BÊN B bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bị tạm ngừng hoạt động.

PARTY B goes bankrupt or be dissolved or terminated under a decision of a competent state authority or suspend operation.

11.3 BÊN B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

PARTY B is entitled to unilaterally terminate the Contract in the following cases:

BÊN B được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu BÊN A bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bị tạm ngừng hoạt động.

PARTY B is entitled to terminate the Contract if PARTY A is bankrupt or dissolved or has been terminated under the decision of a competent state agency or is suspended from operation.

11.4 Xử lý trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng

Handle in case of contract termination

11.4.1 Trường hợp BÊN A quyết định chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 11.2 Hợp đồng này thì Hợp đồng sẽ chính thức chấm dứt sau 30 ngày kể từ ngày BÊN A gửi thông báo chấm dứt cho BÊN B và BÊN B sẽ không được nhận lại toàn bộ các hạng mục, tài sản BÊN B đã đầu tư vào hệ thống IBS tại Dự án. Toàn bộ hạng mục, tài sản này sẽ được chuyển giao cho BÊN A hoặc bên thứ ba do BÊN A chỉ định sau khi đã có văn bản thông báo với BÊN B.

In case PARTY A decides to terminate the Contract according to the provisions of Article 11.2 of this Contract, the Contract will officially terminate after 30 days from the date PARTY A sends the notice of termination to PARTY B and PARTY B will not receive all items and assets invested by it in the IBS system at the Project. This entire item and property will be transferred to PARTY A or a third party designated by PARTY A after having notified PARTY B in writing.

11.4.2 Trường hợp BÊN B quyết định chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 11.3 Hợp đồng này thì Hợp đồng sẽ chính thức chấm dứt sau 30 ngày kể từ ngày BÊN B gửi thông báo chấm dứt cho BÊN A và việc xử lý Hợp đồng sẽ được thực hiện như sau:

In case PARTY B decides to terminate the Contract according to the provisions of Article 11.3 of this Contract, the Contract will officially terminate after 30 days from the date PARTY B sends the termination notice to PARTY A and the Contract handling will be is done as follows:

(i) Toàn bộ các hạng mục, cơ sở hạ tầng BÊN B đã đầu tư sẽ được chuyển giao cho Bên thứ ba do BÊN A chỉ định. Bên nhận chuyển giao sẽ thanh toán cho BÊN B số tiền bằng 100% chi phí thực tế BÊN B đã đầu tư tính trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp pháp, hợp lệ sau khi trừ khấu hao;

All items and infrastructure invested by PARTY B will be transferred to a Third Party designated by PARTY A. The transferee will pay to PARTY B an amount equal to 100% of the actual cost invested by PARTY B on the basis of legal and valid invoices, vouchers and documents after deducting depreciation;

(ii) Trường hợp không có Bên thứ ba nhận chuyển giao thì BÊN B có quyền thu hồi và tháo dỡ đi toàn bộ tài sản, công trình đã đầu tư và trả lại nguyên trạng mặt bằng cho BÊN A trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng, trừ trường hợp có quyết định khác đi của BÊN A. Trường hợp quá thời hạn trên, các tài sản, thiết bị, nguyên vật liệu của BÊN B để lại trong phạm vi Dự án được coi là từ bỏ và BÊN A sẽ có toàn quyền định đoạt. Chi phí dọn dẹp, chuyên chở hoặc các chi phí phát sinh khác để hoàn trả nguyên trạng mặt bằng bất kể do BÊN A hay Bên thứ ba thực hiện sẽ đều do BÊN B chịu trách nhiệm chi trả.

In case there is no third party to receive the transfer, PARTY B has the right to recover and dismantle all the invested assets and works and return the original premises to PARTY A within 30 days from the date of termination. terminate the Contract, unless otherwise decided by PARTY A. In case of exceeding the above time limit, the assets, equipment, and materials left by PARTY B within the scope of the Project are considered abandoned and PARTY A will have full discretion. The cost of cleaning, transportation or other costs incurred to return the premises to the original state regardless of whether it is done by PARTY A or by a third party will be borne by PARTY B.

11.5 Bên có lỗi làm cho Hợp đồng bị chấm dứt mà gây thiệt hại cho Bên kia thì có trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có).

The party at fault causing the Contract to be terminated and causing damage to the other Party shall be responsible for compensating for all actual damages incurred (if any).

Điều 12. Trường hợp bất khả kháng:

Article 12. Force majeure events:

12.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: thiên tai, cháy nổ, sét đánh, ngập lụt, chiến tranh, bạo loạn, tình trạng khủng bố, tình trạng được tuyên bố là khẩn cấp địa phương hoặc khẩn cấp quốc gia vượt quá tầm kiểm soát của các bên, do chủ trương chính sách Nhà nước thay đổi, do yêu cầu của các cấp có thẩm quyền theo luật định đối với việc trưng dụng mặt bằng của BÊN A hoặc mạng lưới kỹ thuật của BÊN B trong đó có hệ thống IBS do BÊN B đầu tư trong khu vực Dự án để dùng cho các yêu cầu của quốc gia hoặc địa phương … và các thảm họa khác chưa lường hết được.

A force majeure event is an event that is objective and beyond the control of the parties, such as: natural disaster, fire, explosion, lightning strike, flood, war, riot, state of terrorism, declared local emergency or national emergency beyond the control of the parties, due to the policy of State policy changes, due to the requirements of the

statutory authorities for the requisition of the premises of PARTY A or the technical network of PARTY B including the IBS system invested by PARTY B within Project area for national or local requirements... and other unforeseen disasters.

12.2 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng, với điều kiện:

The failure of a party to fulfill its obligations due to force majeure shall not be grounds for the other party to terminate the Contract, provided that:

- Sự kiện bất khả kháng hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý hoặc không do lỗi hoặc sơ suất của BÊN Bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, mặc dù bên đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để đề phòng, khắc phục hoặc giảm bớt thiệt hại, gây ra việc chậm trễ hoặc gián đoạn, đình trệ việc thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng này;
- *That force majeure event is completely out of control or not due to fault or negligence of the party affected by force majeure, although that party has taken all necessary measures and in the capacity to allow to prevent, correct or mitigate the damage, cause delay or interruption or delay in the performance of obligations in this Contract;*
- Thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 (bảy) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong đó nêu chi tiết về sự kiện bất khả kháng, các biện pháp đã tiến hành để đề phòng, khắc phục thiệt hại, dự kiến kế hoạch khắc phục và biện pháp giải quyết.
- *To notify the other party in writing of the force majeure event occurring within 7 (seven) days immediately after the occurrence of the force majeure event, detailing the force majeure event, the measures taken conducted to prevent and remedy damage, plan to remedy and take measures to solve.*

12.3 Trừ khi có ý kiến khác của BÊN A bằng văn bản, BÊN B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tiến hành mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị sự kiện bất khả kháng gây trở ngại. Trong trường hợp một sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 30 ngày, bất kỳ bên nào cũng có thể, bằng một thông báo bằng văn bản gửi bên kia, đơn phương chấm dứt Hợp đồng này. Việc chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của BÊN A theo Hợp đồng.

Unless there is another opinion of PARTY A in writing, PARTY B must still perform its obligations under this Contract according to practical circumstances and must take all reasonable measures to perform the parts not being hindered by the Force Majeure Event. In the event of a Force Majeure Event lasting more than 30 days, any Party may, by written notice to the other Party, unilaterally terminate this Contract. Termination of the Contract in this case will not affect other rights of PARTY A under the Contract.

Điều 13. Điều khoản chung

Article 13. General provisions

13.1 Cam kết bảo mật thông tin

Commitment to information security

BÊN B không được phép cung cấp (hoặc dưới hình thức khác), tuyên bố, công khai hoặc trao đổi với các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí hoặc bên thứ ba bất kỳ tài liệu, thông tin hoặc nội dung nào liên quan đến Hợp đồng này (đặc biệt là các tài liệu, thông tin liên quan đến BÊN A, các công ty con, công ty liên kết của BÊN A) mà không có sự đồng ý trước của BÊN A ("**Nghĩa Vụ Bảo Mật**"). Tuy nhiên, BÊN B có thể công bố thông tin nói trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, pháp luật hiện hành và thị trường chứng khoán, với điều kiện sẽ thông báo trước cho BÊN A. Vi phạm nghĩa vụ bảo mật nói trên của BÊN B (nếu có) sẽ được xem là vi phạm cơ bản đối với Hợp đồng, và là cơ sở để BÊN A xử lý với mức cao nhất là chấm dứt Hợp đồng và/hoặc yêu cầu phạt, bồi thường thiệt hại theo các quy định của Hợp đồng và pháp luật liên quan.

*PARTY B is not permitted to (or otherwise) make, publicly disclose or communicate to the media, the press or any third party any material, information or this Contract (especially documents, information relating to PARTY A, its subsidiaries and affiliated companies) without PARTY A's prior consent ("**Security Obligations**"). However, PARTY B may disclose such information at the request of the competent authorities, the applicable laws and the securities market, provided that PARTY A is informed in advance. Violation of the Security Obligations mentioned above by PARTY B (if any) will be considered as a fundamental breach of the Contract and shall be the basis for PARTY A to deal with the highest termination of the Contract and/or penalty, compensation for damages in accordance with the provisions of the Contract and relevant laws.*

13.2 Cam kết đảm bảo quyền chuyển nhượng/chuyển giao của BÊN A

Commitment to guarantee the transfer/assignment right of PARTY A

BÊN B cam kết và đồng ý rằng, BÊN A có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho các công ty sở hữu/đơn vị thành viên/bên thứ ba, hoặc trong trường hợp BÊN A tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm sáp nhập vào một công ty khác hoặc được chia, hoặc tách hoặc được chuyển đổi, với điều kiện là việc chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của BÊN B theo Hợp đồng này. Trong trường hợp này, bên nhận thừa kế, sáp nhập, chuyển nhượng, chuyển giao sẽ đương nhiên trở thành BÊN A và sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BÊN A theo quy định tại Hợp đồng này, đồng thời BÊN B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết theo biểu mẫu và hướng dẫn của BÊN A (nếu có).

PARTY B undertakes and agrees that PARTY A has the right to assign or transfer the rights/obligations under this Contract to its own companies/affiliates/partners, or in the case of Party A reorganization of an enterprise, including merger into another company or divided, split or transformed, provided that the assignment or transfer of such rights/obligations does not prejudice the rights and benefits of PARTY B under this Contract. In this case, the inheriting, merging, transferring or transferring party will automatically become PARTY A and will exercise PARTY A's rights and obligations as prescribed in this Contract, and PARTY B is responsible for implementing the necessary procedures according to the form and instructions of PARTY A (if any).

13.3 Sửa đổi, bổ sung và phụ lục của Hợp đồng

Amendments, supplements and appendices to the Contract

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, mọi trường hợp sửa đổi/bổ sung phải được hai bên thỏa thuận và ký kết bằng phụ lục Hợp đồng.

The two Parties undertake to fully implement the terms agreed in this Contract, any amendment or supplement must be agreed upon by both parties and signed in the Contract Appendix.

13.4 Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Disputes and dispute resolution

Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai Bên liên quan đến Hợp đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp không thể giải quyết được qua thương lượng hòa giải, một trong hai bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

Any dispute between the Parties related to this Contract must first be resolved on the basis of mediation. In the event that cannot be resolved through mediation, one of the Parties will bring the case to a competent Court for settlement in accordance with current law.

13.5 Hiệu lực từng phần

Severability

- Nếu có bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào. Trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép, hai bên sẽ từ bỏ các quyền và lợi ích theo bất kỳ quy định của văn bản quy phạm pháp luật nào có thể làm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị cấm hoặc không có khả năng thi hành về bất kỳ khía cạnh nào; hoặc hai bên sẽ thảo luận, thỏa thuận và thay thế điều khoản vô hiệu đó bằng một điều khoản có hiệu lực và phù hợp với pháp luật Việt Nam để quyền và lợi ích của hai bên theo Hợp đồng này được đảm bảo.
- *If any provision of this Contract is invalid, illegal or unenforceable under the laws of Vietnam, the validity, legality and enforceability of the remaining provisions of this Contract will not be affected in any way. To the extent permitted by the relevant legal document, the two parties shall waive any rights and interests under any provisions of any legal document that may render any provision of this Contract prohibited or unenforceable in any respect; or the two parties will discuss, agree and replace such invalid provision with a valid and appropriate term in accordance with Vietnamese law so that the rights and interests of both parties under this Contract are guaranteed.*
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. BÊN A giữ 02 (hai) bản, BÊN B giữ 02 (hai) bản./.

- *This Contract is made into 04 (four) copies in Vietnamese, with the same legal validity. Party A keeps 02 (two) copies, Party B keeps 02 (two) copies./.*

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
REPRESENTATIVE OF PARTY A	***REPRESENTATIVE OF PARTY B***
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
KAZUKI SHIONOYA	*Nguyễn Thanh Lộc*

PHỤ LỤC 01: TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH HỆ THỐNG

(Kèm theo Hợp đồng số: 2806/2023/HĐHT/SV-PNC)

APPENDIX 01: SYSTEM OPERATION STANDARDS

(Attached to Contract No. 2806/2023/HĐHT/SV-PNC)

Điều 1. Thời gian khắc phục khi gặp sự cố đối với Hệ Thống IBS

Article 1. Time to fix a problem with the IBS System

Thời gian tiếp nhận, xử lý sự cố onsite và online: Từ 08h đến 21h tất cả các ngày trong tuần, trừ Lễ, Tết.

Time to receive and handle problems onsite and online: From 08:00 to 21:00 every day of the week, except Holidays and New Year.

TT ***No.***	**Loại lỗi/sự cố** ***Error/Incident type***	**Nội dung lỗi/sự cố** ***Error/Incident content***	**Thời gian hỗ trợ tối đa** ***Maximum support time***
1	BTS *BTS*	Cảnh báo mất luồng Downcell *Downcell stream loss warning*	1,5h *1.5h*
2	Cơ điện *Electromechanical*	Cảnh báo khói, cạn nguồn *Smoke alarm, out of power*	1,5h *1.5h*
3	Cơ điện *Electromechanical*	Cảnh báo nhiệt độ cao *High temperature warning*	12h *24h*
4	BTS *BTS*	Lỗi VSWR từ hệ thống DAS *VSWR error from DAS system*	24h *24h*
5	DAS *DAS*	Hỏng POI, MU, RU, Combiner, Coupler… gây mất dịch vụ hoặc chất lượng mạng suy giảm (Thoại: CSSR, CS CSSR<90%, CDR>10%, CS CDR >10%, PS CSSR<90%, PS CDR>15%, Throughput UL 4G<3Mbps) *Failure of POI, MU, RU, Combiner, Coupler... causes loss of service or degraded network quality (Voice: CSSR, CS CSSR<90%, CDR>10%, CS CDR >10%, PS CSSR<90%, PS CDR>15%, Throughput UL 4G<3Mbps)*	6h
6	DAS	Lỗi POI, MU, RU, Combiner, Coupler … gây ảnh hưởng dịch vụ (Thoại: CSSR, CS CSSR<95%,	24h

	DAS	CDR>5%, CS CDR >5%, PS CSSR<95%, PS CDR>10%, UL Throughput 4G <5 Mbps) *Failure of POI, MU, RU, Combiner, Coupler ... affect the service (Voice: CSSR, CS CSSR<95%, CDR>5%, CS CDR >5%, PS CSSR<95%, PS CDR>10%, UL Throughput 4G <5 Mbps)*	*24h*
7	DAS *DAS*	Hỏng Connector, Combiner, Coupler ảnh hưởng nhánh lớn (>5 anten) trong tòa nhà *Failure of Connector, Combiner, Coupler affect large branch (>5 antennas) in building*	12h *12h*
8	DAS *DAS*	Hỏng Connector, Combiner, Coupler ảnh hưởng nhánh lớn (<5 anten) trong tòa nhà *Failure of Connector, Combiner, Coupler affect large branch (<5 antennas) in building*	12h *12h*
9	Active DAS *Active DAS*	MU - RU Disconnect *MU - RU Disconnect*	6h *6h*
10	Active DAS *Active DAS*	Cảnh báo nhiệt độ cao MU, RU *High temperature warning MU, RU*	12h *12h*
11	Active DAS *Active DAS*	Cảnh báo lỗi công suất thấp hoặc vượt quá ngưỡng công suất cấu hình *Low power failure alarm or configurable power threshold exceeded*	48h *48h*
12	Active DAS *Active DAS*	Lỗi hệ thống quạt RU *RU fan system error*	48h *48h*
13	Thiết kế DAS *DAS Design*	Bổ sung anten khắc phục chất lượng mạng kém (thêm anten phòng khách hàng, anten panel tăng gain …) số lượng <5 *Adding antennas to overcome poor network quality (adding customer room antennas, gain panel antennas ...) quantity < 5*	48h *48h*
14	Thiết kế DAS *DAS Design*	Bổ sung anten khắc phục chất lượng mạng kém (thêm anten phòng khách hàng, anten panel tăng gain …) số lượng >5 *Adding antennas to overcome poor network quality (adding customer room antennas, gain panel antennas ...) quantity > 5*	168h (7 ngày) *168h* *(7 days)*

Điều 2: Thời gian khắc phục sự cố đối với Hệ Thống GPON:

Article 2: Troubleshooting time for GPON System:

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Items*	Cách xác định *How to determine*	Đơn vị *Unit*	Điều kiện *Condition*	Chỉ tiêu (Target) *Target*	Công thức tính điểm *Scoring Formula*	Quy định thời điểm bắt đầu tính SLA *Specify when to start calculating SLA*
1	Thời gian xử lý trong phòng máy *Processing time in machine room*	Đối với các sự cố trong phòng máy như: lỗi thiết bị, đứt cáp, hỏng dây nhảy, mất điện gây down thiết bị, … yêu cầu xử lý trong 105 phút (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ lụt, động đất…gây ra) *For problems in the machine room such as: equipment failure, cable break, jumper wire damage, power failure causing equipment down, ... require handling in 105 minutes (Except for force majeure events such as fire, flood, earthquake, etc.)*	Phút *minute*	≤	105		- Thời điểm bắt đầu ghi nhận thời gian SLA là: + Tính từ khi BÊN B nhận được thông báo của BÊN A bằng mail và có xác nhận bằng điện thoại hoặc email. + Thời gian tính từ 8h00-21h00, Ngoài khoảng thời gian này sẽ tính giờ bắt đầu từ 8h00 ngày hôm sau (không bao gồm các ngày chính lễ được nghỉ theo quy định của nhà nước) *- The start time to record SLA time is:* *+ From the time PARTY B receives the notice of PARTY A by mail and has confirmation by phone or email.* *+ Time is from 8:00 a.m. to 9:00 p.m., Outside of this period, time will start at 8:00 a.m. the next day (excluding public holidays that are closed according to state regulations)*
2	Tỷ lệ hoàn thành xử lý sự cố trong 3h *Troubleshooting completion rate in 3h*	Tổng số sự cố được khắc phục trong 3 giờ/Tổng số sự cố cần khắc phục (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ lụt, động đất…gây ra) *Total number of problems fixed in 3 hours / Total number of problems to be fixed (Except for force majeure such as fire, flood, earthquake, etc.)*	%	≥	55	- Cách tính kết quả: A = (Thực hiện- Chỉ tiêu)/(100%-Chỉ tiêu) *- How to calculate the result:* *A = (Performance-Target)/(100%-*	

						Target)	
3	Tỷ lệ hoàn thành xử lý sự cố trong 24h *24h troubleshooting completion rate*	Tổng số sự cố được khắc phục trong 24 giờ/Tổng số sự cố cần khắc phục (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ lụt, động đất…gây ra) *Total number of problems fixed in 24 hours / Total number of problems to be fixed (Except for force majeure such as fire, flood, earthquake, etc.)*	%	≥	95	- Cách tính kết quả: A = (Thực hiện- Chỉ tiêu)/(100%-Chỉ tiêu) *- How to calculate the result:* *A = (Performance-Target)/(100%-Target)*	
4	Tỷ lệ hoàn thành xử lý sự cố trong 48h *48h troubleshooting completion rate*	Tổng số sự cố được khắc phục trong 24 giờ/Tổng số sự cố cần khắc phục (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ lụt, động đất…gây ra) *Total number of problems fixed in 24 hours / Total number of problems to be fixed (Except for force majeure such as fire, flood, earthquake, etc.)*	%	≥	99	- Cách tính kết quả: A = (Thực hiện- Chỉ tiêu)/(100%-Chỉ tiêu) *- How to calculate the result:* *A = (Performance-Target)/(100%-Target)*	

5	Thời gian xử lý đứt cáp *Cable break handling time*	Phút *minute*	≤	169	Đối với các sự cố đứt cáp trục, cáp nhánh hoặc lỗi cáp trục cáp nhánh gây mất dịch vụ, lỗi hỏng tủ hộp thuê bao … yêu cầu xử lý trong 169 phút (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ lụt, động đất…gây ra) *For the breakdown of the backbone cable, branch cable or branch cable failure causing loss of service, failure of the subscriber box, etc., it is required to handle in 169 minutes (Except for force majeure events such as fire, natural disaster, floods, earthquakes, etc.)*	- Thời điểm bắt đầu ghi nhận thời gian SLA là: + Tính từ khi BÊN B nhận được thông báo của BÊN A bằng mail và có xác nhận bằng điện thoại hoặc email. + Thời gian tính từ 8h00-21h00, Ngoài khoảng thời gian này sẽ tính giờ bắt đầu từ 8h00 ngày hôm sau (không bao gồm các ngày chính lễ được nghỉ theo quy định của nhà nước) *- The start time to record SLA time is:* *+ From*	

6	Thời gian xử lý cháy cáp *Cable fire handling time*	Phút *minute*	≤	270	Đối với các sự cố cháy cáp trục, cáp nhánh, tủ hộp thuê bao yêu cầu xử lý trong 270 phút (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ lụt, động đất…gây ra) *For fire incidents of backbone cable, branch cable, subscriber box, it is required to handle in 270 minutes (Except for force majeure events such as fire, flood, earthquake, etc.)*	*the time PARTY B receives the notice of PARTY A by mail and has confirmation by phone or email.* *+ Time is from 8:00 a.m. to 9:00 p.m., Outside of this period, time will start at 8:00 a.m. the next day (excluding public holidays that are closed according to state regulations)*	
7	Thời gian xử lý lỗi đứt dây thuê bao *Time to handle subscriber wire break error*	giờ *hour*	≤	24	Thời gian khôi phục dịch vụ đối với các lỗi liên quan đến hạ tầng dây thuê bao thuộc quản lý và VHKT của đối tác thứ cấp (Trừ những trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai lũ		

					lụt, động đất…gây ra) *Service recovery time for errors related to subscriber wire infrastructure under the management and technical culture of the secondary partner (Except for force majeure events such as fire, flood, earthquake, etc.)*		

Danh mục thiết bị/ List of equipment

No	Name	Description of Goods	Brand
I	**Hệ thống IBS/ IBS System**		
1	POI 6x2	Bộ kết hợp tần số 6 đầu vào và 2 đầu ra cho băng tần DCS1800+WCDMA2100	Comba/China
2	RA-0100 Fiber Optic Master Unit 800-2100MHz	Bộ điều khiển quang (MU) băng tần GSM1800+WCDMA2100	Comba/China
3	RA7800 Combiner Unit	Bộ kết hợp công suất quang băng tần GSM1800+WCDMA2100	Comba/China
4	RA7800-R Dualband Fibre Optics Repeater	Bộ khuếch đại công suất quang (RU) băng tần GSM1800+WCDMA2100	Comba/China
5	Directional Coupler - Air Dielectric(5dB)800-2700MHz, PIM3<-150dBc@+43dBmx2, 200Walt, Color Black	Bộ chia công suất sóng di động không cân bằng 5dB, tần số 800-2700MHz	Cosmos/Canada
6	Directional Coupler - Air Dielectric(7dB)800-2700MHz, PIM3<-150dBc@+43dBmx2, 200Walt, Color Black	Bộ chia công suất sóng di động không cân bằng 7dB, tần số 800-2700MHz	Cosmos/Canada
7	Directional Coupler - Air Dielectric(10dB)800-2700MHz, PIM3<-150dBc@+43dBmx2, 200Walt, Color Black	Bộ chia công suất sóng di động không cân bằng 10dB, tần số 800-2700MHz	Cosmos/Canada
8	800-2700MHz High Power Splitter - 2 Way, PIM3<-150dBc@+43dBmx2, 200Walt	Bộ chia công suất sóng di động cân bằng 2 đường, tần số làm việc 800-2700MHz	Cosmos/Canada
9	800-2700MHz High Power Splitter - 3 Way,	Bộ chia công suất sóng di động cân bằng 3	Cosmos/Canada

	PIM3<-150dBc@+43dBmx2, 200Walt	đường, tần số làm việc 800-2700MHz	
10	800-2700MHz High Power Splitter - 4 Way, PIM3<-150dBc@+43dBmx2, 200Walt	Bộ chia công suất sóng di động cân bằng 4 đường, tần số làm việc 800-2700MHz	Cosmos/Canada
11	Ceiling antenna 360	Ăng ten vô hướng 360 độ tần số làm việc 800-2700MHz, CS 2/5DBi (chấn tử đồng)	Cosmos/Canada
12	Ceiling antenna	Anten định hướng 240 độ	Cosmos/Canada
13	Ceiling antenna	Anten định hướng 95 độ, treo trần	Cosmos/Canada
14	Panel Antenna	Anten Panel 120 độ , treo tường	Cosmos/Canada
15	Log -Periodic Antenna	Ăng ten Log-periodic tần số làm việc 800-2700MHz	Cosmos/Canada
16	Connector N Male for 50 ohm 1/2" Coaxial Cable - Foam Dielectric, straight	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 1/2 loại thẳng đực (Connector)	Cosmos/Canada
17	Connector N Male for 50 ohm 1/2" Coaxial Cable - Foam Dielectric, right angle	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 1/2 loại vuông (Connector)	Cosmos/Canada
18	Connector N Female for 50 ohm 1/2" Coaxial Cable - Foam Dielectric, straight	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 1/2 loại thẳng cái (Connector)	Cosmos/Canada
19	Connector N Male for 50 ohms - 7/8" Coaxial Cable - Foam Dielectric, straight	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 7/8 loại thẳng đực (Connector)	Cosmos/Canada
20	Connector N Female for 50 ohms - 7/8" Coaxial Cable - Foam Dielectric, straight	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 7/8 loại thẳng cái (Connector)	Cosmos/Canada
21	Adapter N type Male - Male, straight	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 1/2 loại thẳng (Adapter)	Cosmos/Canada
22	Adapter N type Male - Male, angle	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 1/2 loại vuông (Adapter)	Cosmos/Canada
23	Adapter N type Male - Female, right angle	Đầu vào cho bộ chia công suất cỡ 1/2 loại vuông đực – cái (Adapter Nmale – N Fmale)	Cosmos/Canada
24	Cable 1/2" (đóng gói: 500m//cuộn)	Cáp đồng trục Feeder 1/2 Đóng gói: 500m/cuộn	Cosmos/Canada
25	Cable 7/8" (đóng gói: 500m/cuộn)	Cáp đồng trục Feeder 7/8 Đóng gói: 500m/cuộn	Cosmos/Canada
II	**Hệ thống GPON/ GPON System**		
1	Huawei S6720-EI series switches		Huawei/China
2	OLT ZXA10 C320		ZTE/China
3	ONT-Wifi F660 ZTE ver8.0 Moder Wifi băng tần 2.4GHz		ZTE/China
4	SC/APC mini steel tube type 1*3 splitter 0.9mm		China
5	SC/APC mini steel tube type 1*4 splitter 0.9mm		China
6	SC/APC mini steel tube type 1*16 splitter 0.9mm		China
7	SC/APC mini steel tube type 1*24 splitter 0.9mm		China
8	Hệ thống thang cáp		Phương Nam/VN
9	Hệ thống tủ rack		Phương Nam/VN
10	ODF khay cố định gắn rack 19", loại 24FO (đầy đủ phụ kiện SC/APC)		Phương Nam/VN
11	ODF khay cố định gắn rack 19", loại 48FO (đầy đủ phụ kiện SC/APC)		Phương Nam/VN
12	ODF khay cố định gắn rack 19", loại 96FO (đầy đủ phụ kiện SC/APC)		Phương Nam/VN

13	ODF trong nhà, treo tường, loại 24FO (đầy đủ phụ kiện SC/APC)		Phương Nam/VN
14	ODF trong nhà, treo tường, loại 48FO (đầy đủ phụ kiện SC/APC)		Phương Nam/VN
15	Thuê bao quang treo, bọc chặt - FTTH2		Sacom/Vinacap/VN
16	Thuê bao quang treo, ống lỏng - FTTH4		Sacom/Vinacap/VN
17	Cáp quang kéo cống loại 12 sợi - DU12		Sacom/Vinacap/VN
18	Cáp quang kéo cống loại 24 sợi - DU24		Sacom/Vinacap/VN
19	Cáp quang kéo cống loại 48 sợi - DU48		Sacom/Vinacap/VN
20	Cáp quang kéo cống loại 96 sợi - DU96		Sacom/Vinacap/VN

Điều 3. Bảo trì hệ thống

Article 3. System maintenance

3.1 Bên B chủ động lên kế hoạch bảo trì hệ thống đảm bảo Hệ thống IBS hoạt động liên tục.

Party B actively plans to maintain the system to ensure continuous operation of the IBS System.

3.2 Việc bảo trì có thể được lên kế hoạch thực hiện vào bất kỳ ngày nào trong tuần (bao gồm cả ngày cuối tuần) và có thể vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày. Việc bảo trì hệ thống được Bên B tiến hành theo cách như sau:

Maintenance can be scheduled for any day of the week (including weekends) and can be done at any time of the day. System maintenance is carried out by Party B in the following manner:

a. Những bảo trì định kỳ sẽ được lập kế hoạch và thông báo đến Khách hàng trước 48 giờ so với thời điểm bắt đầu bảo trì bằng hình thức email và/hoặc gọi điện.

Routine maintenance will be scheduled and notified to the Customer 48 hours before the start of maintenance by email and/or phone call.

b. Những bảo trì khẩn cấp có thể được tiến hành với thông báo đến Khách hàng ít nhất 30 phút trước thời điểm bắt đầu bảo trì bằng hình thức email và/hoặc điện thoại.

Urgent maintenance can be carried out with notice to the Customer at least 30 minutes before the start of the maintenance by email and/or phone.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
REPRESENTATIVE OF PARTY A	***REPRESENTATIVE OF PARTY B***
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
KAZUKI SHIONOYA	Nguyễn Thanh Lộc